TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THỊ XÃ NGÃ BẢY	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH HẬU GIANG	*B, ngày 05 tháng 01 năm 2019*
Số: 02/2019/QĐST- HNGĐ	

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 138/2018/TLST/HNGĐ ngày 19/12/2018 giữa:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị N, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Khu vực 4, phường H, thị xã B, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Trần Ánh T, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Khu vực 5, phường B, thị xã B, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 12 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị N, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Khu vực 4, phường H, thị xã B, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Trần Ánh T, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Khu vực 5, phường B, thị xã B, tỉnh Hậu Giang.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Ánh T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Nguyễn Tùng L (giới tính: Nữ), sinh ngày 28/4/2009 và Trần Hữu Đ (giới tính: Nam), sinh ngày 02/6/2011. Chị N và anh T thỏa thuận giao cháu L cho chị N nuôi dưỡng; giao cháu Đ cho anh T nuôi dưỡng. Ngoài ra, cháu L có nguyện vọng sống với chị N nên chị N được quyền nuôi cháu L

cho đến khi trưởng thành; cháu Đ có nguyện vọng sống với anh T nên anh T được nuôi cháu Đ cho đến khi trưởng thành.

Chị N, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên anh T, chị N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Trần Ánh T và chị Nguyễn Thị N không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí là 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng); bị đơn phải chịu tiền án phí là 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng). Nguyên đơn tự nguyện nộp toàn bộ án phí số tiền là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Nguyên đơn được khấu trừ tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo lai thu số 0019039 ngày 19 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Hậu Giang. Do đó, nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

<u>Nơi nhận</u>:
- Các đương sự ;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THA DS thị xã B;
- UBND phường B;
- Lưu.

THẨM PHÁN